Chi tiết mã HS 9021.29.90

Mã HS	9021.29.90
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ chỉnh hình, kể cả nạng, băng dùng trong phẫu thuật và băng cố định; nẹp và các dụng cụ cố định vết gẫy khác; các bộ phận nhân tạo của cơ thể người; thiết bị trợ thính và dụng cụ khác được lắp hoặc mang theo, hoặc cấy vào cơ thể, để bù đắp khuyết tật hoặc sự suy giảm của một bộ phận cơ thể / - Răng giả và chi tiết gắn dùng trong nha khoa: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	05/11/2026 03:04:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90212990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18118
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18118
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18118
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17435
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17364
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17364
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17364
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17364
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17364
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17364
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17420
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17420
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17420
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17420

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17420
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17420
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17421
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17421
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17421
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17421
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17421
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17421
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17426
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17382
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17378
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17378
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17378
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17378
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17378
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17378
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17424
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17424
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17424
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17424
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17424
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17424
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17486
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17486
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17486
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17486
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17486
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17462
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17462
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17462
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17462
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17462
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17462
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17457
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17457
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17457
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17457
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17457
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17457
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17487
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17487
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17487
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17487
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17487
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17487
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17486
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17486
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17486
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17486
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17486
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17580
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17580
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17580
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17580
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17580
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17580
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17580
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17449
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17449
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17449
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17449
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17449
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17449
RCEP B	2022	2022	0	B!D17449
RCEP B	2023	2023	0	B!E17449
RCEP B	2024	2024	0	B!F17449
RCEP B	2025	2025	0	B!G17449
RCEP B	2026	2026	0	B!H17449
RCEP B	2027	2027	0	B!I17449
RCEP C	2022	2022	0	C!D17447
RCEP C	2023	2023	0	C!E17447
RCEP C	2024	2024	0	C!F17447
RCEP C	2025	2025	0	C!G17447
RCEP C	2026	2026	0	C!H17447
RCEP C	2027	2027	0	C!I17447
RCEP D	2022	2022	0	D!D17446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17446
RCEP D	2024	2024	0	D!F17446
RCEP D	2025	2025	0	D!G17446
RCEP D	2026	2026	0	D!H17446
RCEP D	2027	2027	0	D!I17446
RCEP E	2022	2022	0	E!D17450
RCEP E	2023	2023	0	E!E17450
RCEP E	2024	2024	0	E!F17450
RCEP E	2025	2025	0	E!G17450
RCEP E	2026	2026	0	E!H17450
RCEP E	2027	2027	0	E!I17450
RCEP F	2022	2022	0	F!D17449
RCEP F	2023	2023	0	F!E17449
RCEP F	2024	2024	0	F!F17449
RCEP F	2025	2025	0	F!G17449
RCEP F	2026	2026	0	F!H17449
RCEP F	2027	2027	0	F!I17449
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16360
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16360
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16360
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16360

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9021.29 có 3 dòng thuế; dòng 9021.29.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9021.29.10 Bằng sắt hoặc thép; 9021.29.20 Bằng titan	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9021.29.90 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9021.29.90	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9021.29.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9021.29.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18118), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.